PHỤ LỤC I -
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số 348 /KH-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2026 của UBND xã)

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
A	**CÁC CHỈ SỐ**					
1	Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index)	%	93,91% Xếp hạng 01/102	Phấn đấu giữ vững	Thuộc nhóm 10 xã, phường có chỉ số cao nhất cả tỉnh	Phòng Văn hóa – Xã hội
2	Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	%	100%	95%	95% Thuộc nhóm 10 xã, phường có chỉ số cao nhất cả tỉnh	Phòng Văn hóa – Xã hội
B	**CÁC CHỈ TIÊU**					
I	**Cải cách thể chế**					
1	Văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền được xây dựng, ban hành đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và khả thi; hoàn thành đúng tiến độ theo kế hoạch	%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND và UBND
2	Văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành được kiểm tra kịp thời; văn bản có dấu hiệu trái pháp luật được phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời	%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND và UBND
3	Văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành được tổ chức triển	%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND và

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
	khai kịp thời					UBND
4	Thực hiện rà soát, công bố Danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, tạm ngưng hiệu lực một phần hằng năm theo quy định	%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND và UBND
5	Thực hiện công tác rà soát văn bản QPPL theo Kế hoạch và yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền	%	100%	100%	100%	Văn phòng HĐND và UBND
II	**Cải cách thủ tục hành chính**					
1	Cơ quan hành chính nhà nước công khai mức độ hài lòng của người dân, tổ chức sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	-	100%	100%	Trung tâm PVHCC
2	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC. *Trong đó:*	%	100%	Tối thiểu 95%	98%	Trung tâm PVHCC
2.1	*Mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư*	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Trung tâm PVHCC
2.2	*Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế*	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Trạm Y tế
2.3	*Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ giáo dục công lập*	%	-	Tối thiểu 90%	Tối thiểu 90%	Các trường học

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
3	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC có đủ điều kiện	%	49,2%	100%	100%	Trung tâm PVHCC
4	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử của xã và có giá trị pháp lý	%	97%	100%	100%	Trung tâm PVHCC
5	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết TTHC, dịch vụ công	%	-	80%	90%	Trung tâm PVHCC
6	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công	%	83,79%	85%	100%	Trung tâm PVHCC
7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn của xã	%	97,47%	Tối thiểu 98%	Tối thiểu 98%	Trung tâm PVHCC
8	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết quá hạn thực hiện xin lỗi theo quy định	%	100%	100%	100%	Trung tâm PVHCC
9	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa ngay sau khi tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả	%	94,9%	100%	100%	Trung tâm PVHCC
10	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến phát sinh	%	77,66%	80%	90%	Trung tâm PVHCC
III	**CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**					
1	Các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật về lĩnh vực tổ	%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
	chức bộ máy của cấp trên được cụ thể hóa kịp thời vào các văn bản hướng dẫn của địa phương					
2	Các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập hoàn thành việc rà soát sắp xếp; rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức; hoàn thành việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý	%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
3	Các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý hoàn thành phê duyệt danh mục vị trí việc làm và tỷ lệ công chức, viên chức bố trí theo vị trí việc làm	%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Tiếp tục tinh giản biên chế theo hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh	%	-	5% biên chế công chức và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước (so với năm 2025)	Theo hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh	Phòng Văn hóa – Xã hội
5	Tỷ lệ chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương theo vị trí việc	%	-	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
	làm quy định					
6	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, cấp xã được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin; chuyển đổi số, quản trị mạng và các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng với nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới	%	-	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
7	Đánh giá chất lượng cán bộ, công chức, viên chức bằng KPI	%	-	100%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
IV	**XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ; CHUYỂN ĐỔI SỐ**					
1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động	%	0%	30%	100%	Trung tâm PVHCC
2	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến thiết yếu được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ "cá thể hoá", thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng trong cuộc đời	%	0%	0%	50%	Trung tâm PVHCC

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
3	Tỷ lệ dữ liệu mở công bố được ghi nhận có lượt truy cập, sử dụng lại hoặc tích hợp vào nền tảng bên ngoài	%	-	20%	70%	Phòng Văn hóa – Xã hội
4	Hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	%	-	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
5	Các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phải được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng	%	-	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
6	Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân	%	-	40%	70%	Phòng Văn hóa – Xã hội
7	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ	%	-	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
8	Cơ quan, tổ chức sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính	%	0%	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
9	Tỷ lệ phản hồi, góp ý của người dân từ Cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường và các kênh tiếp nhận khác được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý	%	0%	50%	99%	Phòng Văn hóa – Xã hội
10	Cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số	%	-	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội

STT	Nhiệm vụ, chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2025	Chỉ tiêu năm 2026	Chỉ tiêu năm 2030	Cơ quan theo dõi
11	Cán bộ chuyên trách về CNTT, dữ liệu của xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản	%	-	0%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
12	Các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền số phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ	%	-	50%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội
13	Cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước sử dụng các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp trong nước cung cấp	%	0%	0%	100%	Phòng Văn hóa – Xã hội